

BÁO CÁO TÓM TẮT

**Tình hình phát triển kinh tế - xã hội vùng miền Trung,
tình hình và giải pháp phát triển kinh tế biển, kết quả thực hiện
các Quyết định số 941/QĐ-TTg ngày 25/6/2015 và số 2059/QĐ-TTg ngày
02/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ**

*(Báo cáo trình bày của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nguyễn Chí Dũng
tại Hội nghị phát triển vùng miền Trung - Bình Định,
ngày 20 tháng 8 năm 2019)*

*Kính thưa Đồng chí Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ
tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam!*

*Kính thưa các đồng chí Ủy viên Bộ chính trị, Ủy viên Ban chấp hành
Trung ương Đảng!*

*Thưa các Quý vị đại biểu đại diện các cơ quan Trung ương và địa
phương, các doanh nghiệp, nhà đầu tư, các tổ chức hiệp hội, các tổ chức
quốc tế!*

Thưa toàn thể quý vị đại biểu,

Được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, Bộ Kế
hoạch và Đầu tư phối hợp với Văn phòng Chính phủ, tỉnh Bình Định và các
cơ quan liên quan tổ chức Hội nghị phát triển kinh tế vùng Miền Trung. Đây
là một Hội nghị quan trọng của Chính phủ trong tháng 8 này, tháng kỷ niệm
74 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2-9, đồng thời, cũng là thời
điểm các cấp, các ngành trong cả nước đang tập trung cao độ các giải pháp
thực hiện mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, khẩn
trương xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách
nhà nước năm 2020 theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 của Thủ
tướng Chính phủ.

Hội nghị tập trung đông đảo các đại biểu là Lãnh đạo của 14 tỉnh, thành
phố khu vực Miền Trung, từ Thanh Hóa đến Bình Thuận, Lãnh đạo các Bộ,
Ban, ngành, cơ quan trung ương, đại diện các tổ chức trong nước và quốc tế,
các hiệp hội, các doanh nghiệp, nhà đầu tư... Với vị trí là địa bàn đặc biệt

quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đóng vai trò chiến lược trong việc thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2045 theo Nghị quyết số 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Hội nghị cũng là dịp để chúng ta cùng nhau đánh giá một cách cụ thể, chân thực, khách quan nhất thực trạng và các kết quả đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội của vùng và các địa phương trong vùng; xác định những khó khăn, thách thức, những điểm nghẽn cản trở sự phát triển của vùng để từ đó đề ra các giải pháp có tầm nhìn chiến lược, hiệu quả nhất giúp thúc đẩy sự phát triển nhanh, bền vững gắn với kinh tế biển của vùng.

Với ý nghĩa quan trọng đó, Hội nghị của chúng ta ngày hôm nay đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình và Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam. Thay mặt ban tổ chức, tôi xin gửi tới Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ, các đồng chí Lãnh đạo các bộ, ban, ngành trung ương, địa phương, các tổ chức quốc tế, hiệp hội, nhà đầu tư, doanh nghiệp lời cảm ơn trân trọng nhất.

Kính thưa Thủ tướng Chính phủ,

Thưa quý vị đại biểu,

Vùng miền Trung từ Thanh Hóa đến Bình Thuận được gắn kết bởi 14 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với chiều dài bờ biển lên tới 1.900 km, có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế biển; kết cấu hạ tầng lớn được quan tâm đầu tư một cách căn bản với 9 sân bay, trong đó có 5 sân bay quốc tế, 14 nhóm cảng biển, trong đó có 8 nhóm cảng biển nước sâu loại I là cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực, sở hữu 11 trong tổng số 17 khu kinh tế ven biển của cả nước.

Biển miền Trung là cửa ngõ mặt tiền ra Biển Đông của Việt Nam, giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế biển và các hoạt động kinh tế trên dải đất liền ven biển¹, có tiềm năng rất lớn về phát triển công nghiệp nặng, dầu khí, vận tải biển, logistic, dịch vụ, du lịch biển, đảo, phát triển đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản, khai thác năng lượng gió, năng lượng

¹ Kinh tế hàng hải; Nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy, hải sản; Công nghiệp dầu khí; Du lịch biển; Xây dựng các khu kinh tế, các khu công nghiệp tập trung và khu chế xuất ven biển gắn với các khu đô thị ven biển; Phát triển, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ về khai thác và quản lý kinh tế biển.

mặt trời. Miền Trung còn là cửa ngõ ra biển của vùng Tây Nguyên, là cầu nối, quan trọng của các tỉnh Tây Nguyên trong hội nhập, thông qua việc kết nối tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây.

Cùng với thành tựu chung của cả nước, vùng Miền Trung đã thu được nhiều kết quả quan trọng sau hơn 30 năm đổi mới, đặc biệt là trong giai đoạn 2016-2018 và Quý II năm 2019, tình hình kinh tế - xã hội của vùng đã có những bước phát triển đáng kể.

1. Kinh tế khởi sắc, phát triển khá đồng đều trong cả 14 tỉnh của vùng, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân toàn vùng đạt khoảng 7,62%/năm², cao hơn so với bình quân chung cả nước. Tỷ trọng đóng góp vào tăng trưởng kinh tế chung của cả nước có xu hướng tăng, từ 18,83% năm 2016 lên 19,28% năm 2018. Một số địa phương trước đây thuộc diện khó khăn, nay đã đạt mức tăng trưởng khá trong năm 2018 như Quảng Bình (7,03%), Quảng Trị (7,12%), Phú Yên (6,88%), Ninh Thuận (8,03%), Bình Thuận (8,08%). GRDP bình quân đầu người của Vùng tăng từ 1.850 USD/người năm 2016 lên 2.074 USD/người năm 2018, vượt mục tiêu đề ra tại Quyết định số 1114/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ³. Riêng vùng Kinh tế trọng điểm, GRDP bình quân đạt khoảng 2.565 USD/người, cao hơn 1,23 lần bình quân chung toàn vùng và bằng mức bình quân chung của cả nước.

2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng khu vực dịch vụ, công nghiệp và giảm dần tỷ trọng khu vực nông nghiệp. Khu vực công nghiệp - xây dựng có tốc độ tăng trưởng cao, bình quân đạt khoảng 10,36%/năm (cao hơn mức bình quân cả nước) nhờ sự đóng góp của các dự án công nghiệp động lực như: dầu khí, luyện thép, lắp ráp ô tô, cơ khí chế tạo... Khu vực dịch vụ cũng đạt mức tăng trưởng khá, bình quân đạt 7,22%/năm (cả nước tăng 7,15%). Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đã có bước phục hồi nhanh sau sự cố ô nhiễm môi trường biển năm 2016, bình quân đạt 3,62%/năm, nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy hải sản phát triển mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng, hiệu quả và bền vững.

² Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân cả nước giai đoạn 2016-2018 là 6,69%.

³ Mục tiêu đến 2020 GRDP bình quân người bằng khoảng 76% mức bình quân đầu người của cả nước

3. Thu ngân sách nhà nước của các địa phương trong vùng đều đạt và vượt dự toán các năm trong giai đoạn 2016-2018, tốc độ tăng thu nội địa bình quân đạt 14,2%/năm (cao hơn mức bình quân cả nước là 9,66%/năm); tổng vốn đầu tư toàn xã hội 3 năm toàn vùng đạt bình quân 330.000 tỷ đồng/năm, tăng bình quân 7%/năm, chiếm 20% tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội cả nước.

4. Môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển và đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Công tác cải cách hành chính, tăng cường năng lực cạnh tranh, nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công được chú trọng. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số hiệu quả quản lý và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) liên tục được cải thiện trên bảng xếp hạng cả nước. Năm 2018 có 4 tỉnh, thành của Vùng nằm trong nhóm 10 tỉnh đứng thứ hạng cao nhất về Chỉ số hiệu quả quản lý và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Đà Nẵng và Quảng Nam luôn đứng trong top đầu cả nước về chỉ số PCI. Các tỉnh, thành phố trong Vùng đều đã triển khai mô hình dịch vụ hành chính "một cửa"; tỉnh Thừa Thiên Huế, thành phố Đà Nẵng đã triển khai mô hình quản lý đô thị thông minh.

Nhờ đó, trong năm 2018, toàn Vùng đã thành lập mới 18.800 doanh nghiệp, chiếm 14,3% số doanh nghiệp thành lập của cả nước; tỷ lệ doanh nghiệp quay trở lại hoạt động của Vùng ở mức cao so với cả nước; thu hút FDI tăng khá, đạt khoảng 12,2 tỷ USD; lũy kế đến tháng 6 năm 2019, tổng vốn FDI của vùng thu hút đạt gần 58 tỷ USD, chiếm 16,3% vốn FDI cả nước.

5. Phát triển kinh tế biển được quan tâm, chú trọng. Các địa phương trong vùng tập trung quán triệt, thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 và bước đầu thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nhờ đó, các địa phương đã đạt nhiều kết quả nổi bật về phát triển kinh tế biển, trở thành một trong những động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội Vùng trong những năm qua. Toàn Vùng đã hình thành và đang phát triển nhanh tuyến hành lang kinh tế ven biển với chuỗi cảng biển, khu kinh tế, khu du lịch, đô thị ven biển, cảng cá và các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá.

Du lịch ven biển phát triển mạnh với nhiều khu du lịch, trung tâm du lịch tầm cỡ quốc gia và quốc tế (như Đà Nẵng, Nha Trang, Huế, Phan Thiết,...), hàng năm thu hút số lượng lớn khách du lịch trong nước và quốc tế⁴. Hầu hết các tỉnh có biển đã thu hút đầu tư phát triển nhiều khu du lịch ven biển có quy mô lớn, chất lượng cao. Nhiều địa phương thu hút được những nhà đầu tư chiến lược trong nước có tiềm lực tài chính như FLC, Vingroup, SunGroup... và quốc tế đầu tư phát triển các dự án hạ tầng du lịch ven biển đẳng cấp quốc tế.

Khai thác hải sản xa bờ tăng mạnh cả về số lượng và chất lượng, năng lực khai thác được nâng lên; số lượng tàu cá đóng mới có công suất lớn tăng nhanh; các hình thức tổ chức sản xuất khai thác trên biển từng bước được đổi mới, phù hợp với điều kiện sản xuất từng ngư trường vùng biển, khai thác đi đôi với tái tạo và bảo vệ nguồn lợi thủy sản⁵, gắn mục tiêu phát triển kinh tế với mục tiêu bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

Các khu kinh tế ven biển đã thu hút một số dự án FDI, dự án đầu tư trong nước quy mô lớn, có sức lan tỏa mạnh; đóng góp quan trọng vào tăng trưởng các ngành công nghiệp nói riêng và tăng trưởng kinh tế nói chung (như dự án lọc dầu Nghi Sơn, Dung Quất, dự án thép Formosa, dự án ô tô Trường Hải,...). Toàn Vùng có 11 Khu kinh tế và 40 Khu công nghiệp thu hút trên 26 tỷ USD. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp tại các KKT, KCN trên địa bàn trong 6 tháng đầu năm 2019 đạt 9,6 tỷ USD; giá trị xuất nhập khẩu đạt hơn 14,4 tỷ USD và nộp ngân sách hơn 23,7 nghìn tỷ đồng.

Hạ tầng đô thị ven biển được nâng cấp, xây dựng mở rộng và phát triển mạnh với 01 đô thị loại I trực thuộc Trung ương là thành phố Đà Nẵng và 05 đô thị loại I trực thuộc tỉnh (là Thanh Hóa, Vinh, Huế, Quy Nhơn, Nha Trang).

Năng lượng tái tạo phát triển nhanh, riêng 2 tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận hiện có 38 nhà máy điện gió, điện mặt trời, với tổng công suất đạt hơn 2.000 MW. Dự kiến, đến tháng 12/2020, công suất điện gió và điện mặt trời ở 2 tỉnh này sẽ tăng lên hơn 4.200 MW. Nhiều dự án đầu tư năng lượng

⁴ Như Khánh Hòa bình quân tăng 43,2%/ năm; TP. Đà Nẵng tăng trưởng bình quân đạt 30,15%; Thừa Thiên Huế tăng trưởng bình quân đạt 34,48%; Tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi lần lượt là 32,32% và 18,88%.

⁵ Cả Vùng có trên 17,7 nghìn tàu đánh bắt hải sản xa bờ, với tổng công suất 5,8 triệu CV, sản lượng đánh bắt hàng năm gần 1,5 triệu tấn.

mặt trời đang tiếp tục thực hiện tại Thừa Thiên - Huế, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa; dự án Điện gió đang triển khai tại tỉnh Ninh Thuận.

6. Kết cấu hạ tầng quan trọng, liên vùng được quan tâm, tập trung đầu tư bằng nhiều nguồn vốn và các hình thức đầu tư. Đã hoàn thành Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, hoàn thành đầu tư nâng cấp, mở rộng với quy mô 04 làn xe toàn bộ tuyến QL1, triển khai Dự án mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua Quảng Ngãi; dự án Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ 24 đoạn Quảng Ngãi - Kon Tum... và đang chuẩn bị triển khai các tuyến Cam Lộ - La Sơn và La Sơn - Túy Loan. Vùng có 9 cảng hàng không được đầu tư nâng cấp khá hiện đại như Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng là cảng hàng không lớn thứ ba của cả nước, là cảng hàng không cửa ngõ quốc tế ở khu vực miền Trung... Vùng có 14 nhóm cảng biển, trong đó 8 nhóm cảng biển loại I là cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực như cảng Nghi Sơn; Nghệ An; Hà Tĩnh; Thừa Thiên Huế; Đà Nẵng; Dung Quất; Quy Nhơn; Khánh Hòa.

7. Các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển khoa học công nghệ, giải quyết việc làm, chăm sóc sức khỏe, giáo dục đào tạo và xóa đói giảm nghèo đều được chú trọng. Trong giai đoạn 2016 - 2018 đã tạo việc làm mới cho 1,03 triệu người, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2%/năm, các huyện nghèo 30a, xã Chương trình 135 giảm bình quân 4%/năm. Chương trình xây dựng nông thôn mới đã hoàn thành 1.200 xã, đạt tỷ lệ 49,8% mục tiêu số xã đạt chuẩn, gần bằng bình quân chung cả nước (50,2%). Các trung tâm y tế, bệnh viện được quan tâm đầu tư, phát triển theo hướng hiện đại, kỹ thuật cao, nhất là một số trung tâm y tế chuyên sâu tại Thừa Thiên Huế, thành phố Đà Nẵng. Các chỉ tiêu môi trường như tỷ lệ xử lý chất thải rắn công nghiệp, thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị, chất thải rắn y tế, cung cấp nước sạch và sử dụng nước hợp vệ sinh tại nông thôn cơ bản đều đạt mục tiêu đề ra tại Quyết định 1114/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

8. Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội biển đảo gắn với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo được duy trì. Xây dựng lực lượng bảo vệ biển, đảo ngày càng vững mạnh, gắn với xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân. Các tổ chức nghề cá như nghiệp đoàn, tổ đoàn kết, hợp tác xã, tổ hợp tác ngày càng

được củng cố, nhân rộng nhằm gắn kết hỗ trợ nhau trong khai thác hải sản xa bờ, cứu hộ, cứu nạn, đồng thời góp phần khẳng định và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam. Công tác tuần tra, kiểm soát, tìm kiếm, cứu nạn trên biển được tăng cường.

9. Công tác phát triển liên kết vùng được quan tâm triển khai và đạt kết quả bước đầu. Hội đồng vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị và các cuộc họp giao ban để đánh giá thực trạng, bàn các giải pháp về liên kết phát triển vùng, như: Hội thảo “Liên kết xây dựng hệ thống và Trung tâm Logistics tại vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung”; Hội nghị “Liên kết phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung”; Hội nghị “Giao ban Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung và Hội nghị Phát triển Du lịch Miền Trung và Tây Nguyên năm 2019”.

Đạt được những kết quả đáng khích lệ như trên là do tổng hợp của rất nhiều nguyên nhân, trong đó, nguyên nhân quan trọng là Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã dành nhiều quan tâm, chỉ đạo các Bộ, ngành Trung ương và nỗ lực, cố gắng, chung sức, chung lòng của Đảng bộ, chính quyền, quân và dân các địa phương vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung trong thời gian qua.

Thưa Quý vị đại biểu,

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, Vùng miền Trung đang phải đối mặt với một số khó khăn, thách thức cần được nghiên cứu, thảo luận thấu đáo đề ra phương hướng giải quyết, nếu không sẽ trở thành những điểm nghẽn, cản trở sự phát triển của Vùng trong thời gian tới.

1. Quy mô kinh tế vùng còn khiêm tốn, động lực tăng trưởng của vùng còn yếu. Trong 14 tỉnh, chỉ có 4 tỉnh là Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi và Quảng Nam có dự án động lực quy mô lớn. Các tỉnh còn lại tốc độ tăng trưởng còn thấp, chưa khai thác được thế mạnh về hệ thống cảng biển, sân bay sẵn có. Một số hành lang kinh tế (Đà Nẵng - Quốc lộ 1A và hành lang Đà Nẵng - Quốc lộ 14B - 14D - Nam Giang - Đông-Tây; Dung Quất - Tây Nguyên; Quy Nhơn - Tây Nguyên) chưa phát huy sức hút lớn về công nghiệp, dịch vụ; xuất khẩu tăng cao nhưng tỷ trọng còn thấp trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước (chỉ chiếm 4,76% tổng kim ngạch xuất khẩu

cả nước). Phát triển chưa đồng đều xét trên yếu tố vùng, lãnh thổ giữa các tỉnh trong vùng và nội bộ từng địa phương, ảnh hưởng tới khả năng phát triển Vùng một cách đồng bộ, toàn diện.

2. Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung chưa thể hiện được vai trò là hạt nhân tăng trưởng, đầu tàu dẫn dắt kinh tế vùng. Tỷ trọng GRDP của Vùng KTTĐ so với GDP cả nước trong giai đoạn 2016-2018 có xu hướng giảm, năm 2016 chiếm 7,89%, năm 2017 là 7,79%, đến năm 2018 chiếm 7,84%. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân hàng năm thời kỳ 2016-2018 là 7,3%/năm (đứng thứ 3 trong 6 vùng kinh tế của cả nước) thấp hơn bình quân vùng miền Trung (7,62%). Tốc độ tăng trưởng 6 tháng đầu năm 2019 của 4/5 địa phương thuộc Vùng KTTĐ miền Trung tăng trưởng thấp hơn bình quân chung của vùng và cả nước.

3. Thu ngân sách chưa bền vững, mặc dù tăng cao nhưng số thu một lần, thu không ổn định còn chiếm tỷ lệ lớn, thu từ tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết chiếm tỷ lệ cao trong tổng số thu nội địa, chiếm tỷ lệ từ khoảng 22-25%.

4. Hạ tầng giao thông kết nối liên vùng, nội vùng còn yếu và thiếu. Tuyến đường ven biển còn chưa kết nối được các tỉnh và vùng theo dải bờ biển miền Trung, các tuyến đường trục Bắc Nam, Đông Tây đường nối từ khu vực ven biển lên Tây Nguyên, nối ven biển với vùng trung du, miền núi chưa được đầu tư mới, nâng cấp; tuyến đường sắt khổ 1,4 m chậm được đầu tư.

5. Nguy cơ thiếu nước ngọt, nhiễm mặn và hạn hán ngày càng rõ rệt, đặc biệt tại các tỉnh Nam trung Bộ, Ninh Thuận, Bình Thuận. Tình trạng ô nhiễm môi trường tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp còn cao.

6. Thu hút đầu tư FDI vào vùng còn thấp, chủ yếu dự án vừa và nhỏ. Các nhà đầu tư nước ngoài, tập đoàn, doanh nghiệp lớn có tâm lý e ngại khi đầu tư vào vùng thường gặp thiên tai, bão lũ và giao thông chưa thật sự thuận tiện.

7. Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, tỷ lệ lao động qua đào tạo có cấp chứng chỉ mới đạt khoảng 22-23%, thuộc vùng có tỷ lệ thấp của cả nước. Do đặc điểm là vùng thuần nông nghiệp và ngư nghiệp nên phong cách làm

việc công nghiệp, kỹ luật và tính chuyên nghiệp chưa cao, lực lượng lao động cần có sự đào tạo để dần thay đổi thói quen, tác phong làm việc. Tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn cao (8,7%) so với bình quân cả nước (6,8%).

8. Thiếu sự liên kết vùng, vẫn còn tình trạng mạnh ai nấy làm, thậm chí cạnh tranh lẫn nhau; công tác phối hợp giữa các địa phương trong Vùng còn rất hạn chế; chưa hình thành được sự kết nối về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, kết cấu hạ tầng, cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực dẫn đến làm chậm tiến trình hình thành một không gian kinh tế thống nhất. Chưa có sự phân công lao động giữa các tỉnh, thành phố trong vùng, dẫn tới đầu tư còn trùng lặp, các tỉnh, thành phố không phát huy được lợi thế so sánh của mình.

Thưa quý vị đại biểu,

Thực hiện Quy hoạch phát triển Kinh tế - xã hội vùng miền Trung đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được phê duyệt, tiếp tục thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW, phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững kinh tế biển, khai thác tiềm năng, lợi thế, cơ hội đưa ven biển Miền Trung thành vùng kinh tế biển mạnh của cả nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các Bộ, ngành, các địa phương phối hợp thực hiện một số giải pháp sau.

1. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Quy hoạch Vùng, quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch, trong đó lấy biển và vùng ven biển làm trung tâm. Đưa vào quy hoạch xây dựng đường ven biển; xây dựng các đô thị ven biển hiện đại, xác định biển là trung tâm để tính toán quy hoạch. Hoàn thiện hệ thống giao thông kết nối Bắc - Nam và hệ thống đường ngang Đông - Tây kết nối liên thông các cảng biển và các tỉnh ven biển với vùng Tây Nguyên.

Rà soát, bổ sung và xây dựng mới đồng bộ các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch liên quan đến biển, đảo theo hướng quản lý tổng hợp, phù hợp với hệ sinh thái biển, bảo đảm sự gắn kết hài hoà, đồng bộ giữa bảo tồn và phát triển các vùng đất liền, vùng ven bờ, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Khẩn trương xây dựng Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.

2. Tăng cường liên kết vùng và các tỉnh miền Trung với Tây Nguyên, hợp tác cùng phát triển. Tập trung xây dựng các đô thị ven biển có điều kiện và lợi thế làm hạt nhân lan tỏa thúc đẩy phát triển và trở thành các trung tâm kinh tế của từng tiểu vùng. Phối hợp với các tỉnh Tây Nguyên về lưu trữ và

điều tiết nguồn nước ngọt. Tiếp tục thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản. Đẩy mạnh sự phối hợp gắn kết giữa các địa phương trong và ngoài vùng trong quá trình xúc tiến đầu tư, huy động và phân bổ nguồn lực, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đào tạo, thu hút và tạo việc làm; xây dựng các chương trình, tuyến du lịch liên tỉnh, liên vùng;

3. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lợi thế vùng gắn với thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Xây dựng thương hiệu và sản phẩm quốc gia theo ngành và lợi thế của vùng, sản phẩm mới, giá trị gia tăng cao; nâng cao sự đóng góp của khoa học và công nghệ vào các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao, có lợi thế cạnh tranh để tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng đa mục tiêu, tập trung đầu tư hạ tầng giao thông kết nối liên vùng và nội vùng, đồng bộ, mạng lưới giao thông kết nối các trung tâm kinh tế lớn của cả nước, các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu đô thị, các vùng biển với các cảng biển dựa trên hệ sinh thái kinh tế và tự nhiên, kết nối chiến lược Bắc - Nam, Đông - Tây giữa các vùng trong nước và với quốc tế. Tiếp tục có kế hoạch đầu tư hoàn thành tuyến đường ven biển, đường nối từ khu vực ven biển lên Tây Nguyên; kết nối các tuyến đường cao tốc trong vùng; Sớm đầu tư tuyến đường sắt Bắc Nam khổ 1,4 m. Nâng cao hiệu quả hoạt động các cảng biển trong khu vực, chỉ nên tập trung đầu tư cho một số cảng biển đầu mối.

5. Tiếp tục kiện toàn bộ máy vùng, trao đủ thực quyền ra quyết định cho Hội đồng vùng KTTĐ miền Trung. Hoàn thiện thể chế để phát huy tính chủ động, sáng tạo của các thành viên Hội đồng vùng. Phân định rõ trách nhiệm và tăng cường phối hợp giữa Ban chỉ đạo, các Hội đồng vùng, các Bộ, ngành và địa phương trong vùng. Có cơ chế tài chính cụ thể để phục vụ các hoạt động của Hội đồng vùng.

6. Tăng cường hợp tác khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ. Lựa chọn một số hoạt động hợp tác về khoa học công nghệ trong Vùng, huy động sức mạnh các địa phương, các trường Đại học, các tổ chức nghiên cứu và nhà đầu tư lớn để có các sản phẩm khoa học công nghệ mang tính ứng

dụng, đổi mới sáng tạo, giải quyết được những vấn đề thực tiễn đặt ra, có tính thương mại cao. Hỗ trợ xây dựng các trung tâm ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học, công nghệ trong các trường đại học, doanh nghiệp, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh/thành phố trong Vùng, coi đó là hạt nhân của hoạt động ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

7. Sớm xây dựng, hoàn thiện và chia sẻ hệ thống cơ sở dữ liệu chung về các tỉnh, thành phố thuộc vùng miền Trung, các ngành kinh tế, các lĩnh vực xã hội, tiến độ các công trình trọng điểm, dự án lớn triển khai trên địa bàn, phục vụ xây dựng và điều phối các hoạt động liên kết vùng.

8. Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, bảo vệ môi trường. Sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên biển, vùng ven biển và đảo; giảm thiểu suy thoái và ô nhiễm môi trường biển. Kiểm soát việc xử lý nước thải, chất thải rắn (nhất là chất thải rắn nguy hại), tại các KCN, KKT và các công trình bảo vệ nguồn nước mặt.

9. Kết hợp chặt chẽ việc phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, đảm bảo công tác phòng thủ tuyến biên giới trên đất liền và trên biển.

Kính thưa Thủ tướng Chính phủ,

Thưa Quý vị đại biểu,

Tại Hội nghị phát triển Vùng miền Trung ngày hôm nay, chúng tôi mong muốn được lắng nghe, tiếp thu các ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, đại diện lãnh đạo các địa phương, các doanh nghiệp, nhà đầu tư và đặc biệt là ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ. Tôi tin tưởng rằng các ý kiến sẽ giúp giải quyết được những vấn đề khó khăn, thách thức của vùng, đảm bảo sự phát triển bền vững trong hiện tại và tương lai cho Vùng miền Trung.

Thay mặt Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tôi xin cảm ơn sự phối hợp chặt chẽ, hợp tác tích cực của tỉnh Bình Định và Văn phòng Chính phủ trong việc tổ chức Hội nghị ngày hôm nay.

Xin kính chúc Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ và Quý vị đại biểu có mặt trong Hội nghị ngày hôm nay mạnh khỏe, chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn./.